

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BẮC TỪ LIÊM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2019/DS - ST

Ngày: 24/6/2019

V/v: Tranh chấp HĐ vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thúy Hạnh - Thẩm phán;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Lan;
2. Bà Trần Thị Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Liên - Thư ký Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm tham gia phiên tòa:

Bà Vũ Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 43/2019/TLST-DS ngày 01 tháng 03 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2019/QĐXX-ST ngày 21 Tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2019/QĐST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1962

Địa chỉ: Số 8*, Tổ 1*, phường P, quận B, Hà Nội.

Nghề nghiệp: Bộ đội nghỉ hưu.

(Có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: Ông Trần Tuấn K, sinh năm 1970.

Bà Phạm Thị An X, sinh năm 1973

Cùng địa chỉ: Số 4*, ngõ 19*/22*, Tổ 1*, phường P, quận B, thành phố Hà Nội.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/12/2018 cùng các tài liệu, chứng cứ và những lời khai tại Tòa án, nguyên đơn trình bày:

Tháng 4 năm 2011, ông T bán cho vợ chồng nhà ông K và bà X 01 nhà tại xã P. Nguồn gốc nhà đất mà ông bán cho vợ chồng bà X là ông mua lại của chị Lê Hải H. Việc mua bán giữa ông và chị Hải H là chưa sang tên, khi ông bán cho bà X là ông bán giấy tờ viết tay của ông và bà X. Sau khi thỏa thuận xong, hai bên thống nhất giá nhà là 2.400.000.000 đồng(hai tỷ bốn trăm triệu đồng), ông K và bà X trả cho ông 1.400.000.000 đồng, còn nợ lại 1.000.000.000 đồng, ông đưa toàn bộ giấy tờ gốc liên quan đến nhà đất trên cho bà X. Số tiền 1.000.000.000đ chính tay bà X viết giấy nhận nợ có chữ ký của ông T và đưa cho ông giữ. Việc sau này giữa chị Hải H và bà X gặp nhau sang tên như thế nào ông không nắm được. Vì bà X đã viết giấy nhận nợ cho ông và ông đưa toàn bộ giấy tờ nhà mà ông mua của chị H cho bà X. Ngoài giấy nhận nợ mà bà X viết thì không còn giấy tờ nào khác. Thời điểm bà X viết giấy nợ thì có đề nghị gia hạn trong vòng 03 tháng trả hết nợ, nhưng ông cho hẳn 05 tháng là đến tháng 9 năm 2011 phải thanh toán hết cho ông thì ông không yêu cầu lãi suất như đã thỏa thuận trong giấy nhận nợ mà chỉ yêu cầu trả lãi suất theo Ngân hàng bằng miệng. Ông K và bà X cũng nhất trí. Suốt từ năm 2011 đến nay mặc dù ông đã đến nhà ông K, bà X để đòi nợ rất nhiều lần nhưng đều khát lần và báo chưa làm xong giấy tờ nhà đất. Cho đến năm 2016 ông được biết ông K và bà X đã làm xong giấy tờ nhà đất, ông tiếp tục đến thu nợ nhưng vợ chồng họ cứ khát lần khát lượt mà không trả. Do đó, ông làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông K và bà X thanh toán cho ông toàn bộ số tiền ghi trong giấy nhận nợ là 1.000.000.000 đồng(Một tỷ đồng). Ngoài ra, yêu cầu ông K và bà X phải chịu lãi suất theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng tương đương trung bình 10%/tháng đối với số tiền 1.000.000.000 đồng từ tháng 9 năm 2011 cho đến ngày xét xử.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/3/2019 và các lời trình bày tại các văn bản có trong hồ sơ bị đơn bà Phạm Thị An X trình bày:

Bà X thừa nhận có viết giấy nhận nợ cho ông T ngày 05/4/2011 với số tiền 1.000.000.000 đồng. Nhưng thực chất việc bà viết giấy nhận nợ vì lý do: Nguồn gốc nhà đất mà hiện nay gia đình bà đang quản lý, sử dụng tại số 4*, tổ 1*, phường P, quận B, thành phố Hà Nội là của vợ chồng bà. Khi đó, vợ chồng bà có hộ khẩu ở Hải Phòng, không có hộ khẩu Hà Nội nên không đứng tên trong giấy tờ nhà đất được, mà phải nhờ chị họ là chị Lê Hải H đứng tên nhà đất hộ. Khoảng năm 2011, vợ chồng bà có nhu cầu bán nhà và ông T là người có nhu cầu muốn mua nhà đất

của gia đình bà. Sau khi thỏa thuận, hai bên thống nhất bán nhà đất của gia đình bà X cho ông T với giá 2.850.000.000 đồng (Hai tỷ tám trăm năm mươi triệu đồng) nhưng ông T mới đưa cho vợ chồng bà X được 1.630.000.000đ để vợ chồng bà X mua mảnh đất khác của ông Nguyễn Văn N ở Phú Diễn, đưa làm 03 đợt trong vòng 04 tháng. Tuy nhiên, khi hết hạn thanh toán toàn bộ số tiền để ông lấy nhà của gia đình bà, ông T nói với vợ chồng bà không còn khả năng thanh toán nữa. Vì vậy, vợ chồng bà lấy lại nhà và thanh toán cho anh T 1.450.000.000 đồng tại Ngân hàng B, và cho đến hiện nay vợ chồng bà còn nợ lại ông T là 180.000.000 đồng nhưng không có giấy tờ gì. Hiện nay, vợ chồng bà chưa có khả năng thanh toán nợ, vì kinh tế đang gặp khó khăn. Còn khi nào vợ chồng bà bán được nhà, thì sẽ thương lượng với ông T. Đối với giấy nhận nợ mà chính tay bà X viết cho ông T có nội dung nợ lại 1.000.000.000 đồng (Một tỷ) là đúng vì thời điểm đó, bà muốn lấy lại toàn bộ giấy tờ gốc liên quan đến nhà đất mà không muốn liên lụy đến chị H mà bà nhờ chị đứng tên. Ông T nhiều lần cho người xã hội đến gặp chị H, làm phiền yêu cầu chị H ký giấy tờ sang tên. Do vậy, bà X phải viết và ký vào giấy nhận nợ với số tiền 1.000.000.000 đồng cho ông T vì không muốn liên lụy đến chị họ bà nữa. Hiện nay chị H ở đâu bà không biết và không cung cấp được địa chỉ. Hơn nữa chị H không có liên quan gì.

Đối với ông Trần Tuấn K là chồng của bà X, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản khác theo quy định của pháp luật. Nhưng đều không có văn bản gửi Tòa án quận Bắc Từ Liêm trình bày ý kiến, yêu cầu của mình đối với ý kiến, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án cũng đã nhiều lần đến nhà để ghi ý kiến của ông K nhưng cũng không ghi được ý kiến của ông K, cũng không có yêu cầu phản tố gì.

Ngoài ra Tòa án đã niêm yết tổng đạt hợp lệ thông báo về phiên họp kiểm tra và giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Thông báo kết quả phiên họp, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhiều lần cho bà X và ông K. Tuy nhiên ông K và bà X đều vắng mặt không có lý do. Có lúc bà X đến làm việc tại Tòa án nhưng khi lập biên bản xong bà cũng bỏ về không ký nhận.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án buộc ông K và bà X thanh toán cho ông toàn bộ số tiền ghi trong giấy nhận nợ là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng). Trong quá trình giải quyết vụ án ông có yêu cầu tính lãi theo lãi suất 10%/tháng đối với số tiền 1.000.000.000 đồng từ tháng

9 năm 2011 cho đến ngày xét xử. Nhưng tại phiên Tòa hôm nay ông không yêu cầu tính lãi nữa mà chỉ yêu cầu đòi toàn bộ số tiền gốc là 1.000.000.000đ (Một Tỷ đồng).

- Bị đơn ông Trần Tuấn K và bà Phạm Thị An X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do đến lần thứ hai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử thấy Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền cũng như nghĩa vụ của mình. Rút kinh nghiệm với Tòa án về việc xử lý đơn để quá thời hạn.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 463, 466 và 469 Bộ luật Dân sự; Điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Trần Tuấn K và bà Phạm Thị An X phải có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Văn T số tiền 1.000.000.000 đồng theo giấy nhận nợ ngày 05/4/2011. Tại phiên Tòa ông T không yêu cầu tính lãi suất nên không xét. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên,

Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng: Tại phiên Tòa ông Trần Tuấn K và bà Phạm Thị An X vắng mặt không có lý do. Tòa án đã niêm yết và tổng đạt hợp lệ thủ tục phiên Tòa cho ông K và bà X theo đúng quy định của pháp luật đến lần thứ hai nhưng ông K và bà X vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào quy định tại Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt bị đơn tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 1.000.000.000đ theo giấy nhận nợ ngày 05/4/2011. HĐXX xác định đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự;

- Về thẩm quyền giải quyết: Ông Trần Tuấn K và bà Phạm Thị An X có hộ khẩu thường trú và đang cư trú tại Số 4*, ngõ 19*/22*, Tổ 1*, phường P, quận B, Hà Nội. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]Về nội dung:

- Xét yêu cầu đòi tiền của ông Nguyễn Văn T với số tiền ghi trong giấy nhận nợ là 1.000.000.000 đồng(Một tỷ đồng), Hội đồng xét xử thấy: Giữa ông Trần Tuấn K, bà Phạm Thị An X và ông Nguyễn Văn T có quan hệ mua bán chuyển nhượng nhà đất với nhau. Tuy nhiên việc mua bán không thành nên các bên đã thanh toán cho nhau tiền và trả tài sản. Phía ông T có đơn yêu cầu đòi lại tiền theo giấy nhận nợ ngày 05/4/2011. Do đó chỉ có căn cứ xác định yêu cầu của ông T về việc đòi tiền nợ.

Theo như ông T khai: Việc mua bán hai bên không thành và đã trả lại cho nhau phía bà X và ông K còn nợ lại ông số 1.000.000.000đ các bên đã tự nguyện lập giấy nợ ngày 05/4/2011 và hẹn sau 3 tháng nhưng ông đã yêu cầu viết 5 tháng ông K và bà X phải có trách nhiệm trả xong khoản nợ trên.

Theo bà X khai: Đối với giấy nhận nợ mà bà X viết cho ông T có nội dung nợ lại 1.000.000.000 đồng (Một tỷ) vào ngày 05/4/2011 là đúng bà viết và chồng bà ký tên. Lý do bà phải viết giấy này là thời điểm đó, bà muốn lấy lại toàn bộ giấy tờ gốc liên quan đến nhà đất mà không muốn liên lụy đến chị H mà bà nhờ chị H đứng tên. Ông T nhiều lần cho người xã hội đến gặp chị H, làm phiền yêu cầu chị H ký giấy tờ sang tên. Do vậy, bà X phải viết và ký vào giấy nhận nợ chỉ còn nợ với số tiền 1.000.000.000 đồng(Một tỷ đồng) trên thực tế bà lại số tiền là 180.000.000đồng, nhưng bà không cung cấp cho Tòa án được bất kỳ giấy tờ gì có liên quan nên không có căn cứ để xem xét việc bà chỉ còn nợ lại ông T số tiền 180.000.000đồng.

Xét giấy nhận nợ ngày 05/4/2011 Hội đồng xét xử thấy: Bà Phạm Thị An X có thừa nhận là viết và ký, có ông Trần Tuấn K cùng bà Phạm Thị An X ký xác nhận nợ số tiền 1.000.000.000đồng đối với ông T, phù hợp với lời khai nhân chứng trong giấy vay nợ. Đủ cơ sở để xác định số tiền gốc theo giấy nhận nợ ngày 05/4/2011 ông K và bà X còn nợ lại của ông T là 1.000.000.000 đồng là có căn cứ. Nên yêu cầu của ông T đòi tiền anh K chị X đối với số tiền gốc là 1.000.000.000

đồng là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 466, 469 Bộ luật dân sự nên chấp nhận.

Tại phiên Tòa ông T không yêu cầu tính lãi đối với số tiền nợ. Việc ông T không yêu cầu tính lãi là hoàn toàn tự nguyện không trái quy định của pháp luật nên ghi nhận.

- Về án phí: Ông Trần Tuấn K và bà Nguyễn Thị An X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Số tiền án phí vụ án được tính là: 42.000.000đ

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, 466 và 469 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Điều 26; Điểm c Khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 144, Điều 147, Khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với ông Trần Tuấn K và bà Phạm Thị An X.

2. Xác nhận khoản tiền ông Trần Tuấn K và bà Phạm Thị An X nợ ông Nguyễn Văn T số tiền là 1.000.000.000đồng(Một tỷ đồng).

Buộc ông Trần Tuấn K và bà Phạm Thị An X có trách nhiệm thanh toán trả ông Nguyễn Văn T số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng chẵn).

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn T không yêu cầu tính lãi suất đối với khoản tiền nợ nên Tòa không xét.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Ông Trần Tuấn K và bà Phạm Thị An X phải chịu 42.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Văn T được hoàn lại số tiền 21.000.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AB/2015/0002602 ngày 28/02/2019 của chi cục thi hành án dân sự quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Án xử công khai, sơ thẩm. Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận :

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- VKSND Q.Bắc Từ Liêm;
- Chi cục THADS Q. Bắc Từ Liêm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Thúy Hạnh